

# CURRENT STATUS OF DISEASE STRUCTURE OF INPATIENTS TREATED AT THE VIETNAM NATIONAL EYE HOSPITAL IN THE PERIOD OF 2019-2022

Bui Thi Thu Hien<sup>1\*</sup>, Pham Ngoc Dong<sup>1</sup>, Nguyen Dinh Dung<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Vietnam National Eye Hospital - 85 Ba Trieu street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung district, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>Thang Long University - Nghiem Xuan Yem street, Dai Kim Ward, Hoang Mai district, Hanoi, Vietnam

Received 21/07/2023

Revised 21/08/2023; Accepted 22/09/2023

## ABSTRACT

**Objective:** Describe the current status of the disease structure of inpatients at the Central Eye Hospital from 2019 to 2022.

**Method:** A cross-sectional descriptive retrospective study. All medical records of patients hospitalized for inpatient treatment at the National Eye Hospital from January 1, 2019 to December 31, 2022, saw a total of 111,601 qualified medical records used in the study.

**Result:** The gender ratio was 0.85:1. Most patients who come to the Vietnam National Eye Hospital for inpatient treatment are over 60 years old. More than 80% of patients admitted to the hospital had health insurance. The proportion of patients entering the on-demand medical examination department has the highest percentage among hospital admissions through the inpatient departments. Meanwhile, the lowest belongs to the patients entering the cosmetic department. The number of inpatients, divided into months in a year, mostly are hospitalized from March to July. In the proportion of patients admitted to inpatient treatment according to ICD-10 classification, the majority of subjects hospitalized due to cataracts accounted for 44.65% in 4 years. About 98% of the subjects were discharged from the hospital in a state of cure/recovery in 2019-2022.

**Conclusion:** In the last 4 years, from 2019 to 2022, there were a total of 111,601 inpatients admitted to the National Eye Hospital, mainly due to cataracts disease.

*Keywords:* Disease structure, eye, period 2019-2022.

---

\*Corresponding author

Email address: hienvnio11@gmail.com

Phone number: (+84) 975 808 228

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i6.811>

# THỰC TRẠNG CƠ CẤU BỆNH TẬT CỦA NGƯỜI BỆNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN MẮT TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2019-2022

Bùi Thị Thu Hiền<sup>1\*</sup>, Phạm Ngọc Đông<sup>1</sup>, Nguyễn Đình Dũng<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Mắt Trung ương - 85 Bà Triệu, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Thăng Long - Nghiêm Xuân Yêm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 21 tháng 07 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 21 tháng 08 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 22 tháng 09 năm 2023

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng cơ cấu bệnh tật của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương giai đoạn 2019-2022

**Phương pháp:** Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang. Tất cả hồ sơ bệnh án của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương, giai đoạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2022, tổng số 111.601 hồ sơ bệnh án đủ tiêu chuẩn đã được sử dụng trong nghiên cứu.

**Kết quả:** Tỷ lệ nam:nữ là 0,85:1. Phần lớn người bệnh đến điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt trung ương là đối tượng trên 60 tuổi, hơn 80% có bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người bệnh vào điều trị nội trú tại các khoa, trong đó tỷ lệ người bệnh vào khoa Khám và điều trị theo yêu cầu là lớn nhất và khoa Tạo hình, thẩm mỹ mắt và vùng mặt là thấp nhất. Người bệnh vào viện chủ yếu trong tháng 3 đến tháng 7. Tỷ lệ nhóm bệnh vào điều trị nội trú chính là bệnh thủy tinh thể chiếm 44,65%. Khoảng 98% đối tượng ra viện trong tình trạng khỏi/đỡ trong giai đoạn 2019-2022.

**Kết luận:** Trong 4 năm từ 2019 đến 2022 có tổng cộng 111.601 lượt điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương. Bệnh của thủy tinh thể là chẩn đoán chính của người bệnh vào điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương.

*Từ khóa:* Cơ cấu bệnh tật, mắt, giai đoạn 2019-2022.

---

\*Tác giả liên hệ

Email: [hienvnio11@gmail.com](mailto:hienvnio11@gmail.com)

Điện thoại: (+84) 975 808 228

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i6.811>



## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cơ cấu bệnh tật phản ánh điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị của một khu vực hay quốc gia. Từ cơ cấu bệnh tật và tử vong người ta có thể xác định được các bệnh tật phổ biến nhất, các bệnh gây tỷ lệ tử vong cao nhất. Điều này rất quan trọng trong việc định hướng lâu dài về kế hoạch phòng chống bệnh tật [1].

Trên thế giới và tại Việt Nam đã có khá nhiều nghiên cứu về cơ cấu bệnh tật nói chung tại bệnh viện cũng như tại cộng đồng [2], [3], [4]. Tuy nhiên, các nghiên cứu về cơ cấu bệnh tật trước giờ chủ yếu quan tâm đến bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm, bệnh nhi khoa tuy nhiên chưa có nghiên cứu về mô hình bệnh nhân khoa

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), trên toàn cầu, ít nhất 2,2 tỷ người bị suy giảm thị lực hoặc mù lòa. Điều này bao gồm những người bị suy giảm thị lực gần do lão thị (1,8 tỷ, bao gồm cả lão thị được điều trị và không điều trị được), và suy giảm thị lực từ trung bình đến nặng hoặc mù do tật khúc xạ không được điều trị (123,7 triệu, ví dụ như cận thị hoặc viễn thị), đục thủy tinh thể (65,2 triệu), thoái hóa điểm vàng do tuổi tác (10,4 triệu), tăng nhãn áp (6,9 triệu), đục giác mạc (4,2 triệu), bệnh võng mạc tiểu đường (3 triệu), bệnh đau mắt hột (2 triệu) và các nguyên nhân khác (37,1 triệu) và 188,5 triệu người bị suy giảm thị lực nhẹ không rõ nguyên nhân [5]. Theo Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ năm 2020, có hơn 4,2 triệu người Mỹ từ 40 tuổi trở lên bị khiếm thị (có thị lực được điều chỉnh tốt nhất là 6/60 hoặc kém hơn (= 20/200) ở mắt nhìn rõ hơn) hoặc có thị lực kém (có thị lực được điều chỉnh tốt nhất thị lực nhỏ hơn 6/12 (<20/40) ở mắt tốt, không bao gồm những người được phân loại là mù) [6]. Tại Việt Nam, mô hình bệnh mắt có nhiều thay đổi, những bệnh lý mù lòa do các bệnh như giác mạc hoặc đau mắt hột đã giảm, những bệnh lý mới như tật khúc xạ, bệnh lý về võng mạc lại có xu hướng gia tăng. Đáng chú ý là Việt Nam hiện có khoảng 2 triệu người mù và thị lực kém. Theo báo cáo của Viện Chiến lược và Chính sách Y tế năm 2019, tỷ lệ tật khúc xạ ở Việt Nam hiện nay ước tính ở mức từ 15%-40%, tương ứng khoảng từ 14-39 triệu người mắc. Đối với trẻ em từ 6-15 tuổi, tỷ lệ tật khúc xạ là 25-40% ở thành thị và 10-15% ở nông thôn [7].

Bệnh viện Mắt Trung ương là Bệnh viện chuyên khoa đầu ngành của cả nước với nhiệm vụ khám chữa bệnh, phòng bệnh và phục hồi chức năng về Mắt cho người bệnh. Hiện nay, tại Bệnh viện Mắt trung ương chưa có nghiên cứu về cơ cấu bệnh tật và hoạt động điều trị nội

trú của bệnh viện. Từ tình hình trên chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu: Mô tả thực trạng cơ cấu bệnh tật của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương giai đoạn 2019-2022.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Cơ sở dữ liệu về người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương giai đoạn 2019-2022 được lưu trữ trong hệ thống phần mềm của Bệnh viện, được tính theo số hồ sơ lưu trữ.

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Mắt Trung ương từ tháng 10/2022 đến tháng 09/2023

### 2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang

### 2.4. Cơ mẫu và phương pháp chọn mẫu.

Tất cả hồ sơ bệnh án của các trường hợp người bệnh nhập viện điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương, giai đoạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2022, tổng số là 111.601 hồ sơ bệnh án được sử dụng trong nghiên cứu.

### 2.5. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

#### 2.5.1. Công cụ thu thập số liệu

Biểu mẫu thiết kế sẵn cho thu thập số liệu sẵn có. Các thông tin thu thập gồm có: họ tên người bệnh, tuổi, giới, tỉnh (nơi người bệnh sinh sống); nghề nghiệp, đối tượng theo BHYT, chẩn đoán, tình trạng bệnh khi vào viện (cấp cứu hay bệnh thường), ngày nhập viện, ngày xuất viện; khoa điều trị, kết quả điều trị khi ra viện.

#### 2.5.2. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: trích xuất các số liệu cần thiết từ tất cả hồ sơ, bệnh án, các báo cáo, tổng kết và các nghiên cứu phù hợp với các biểu mẫu thu thập thông tin, đáp ứng các chỉ số nghiên cứu. Số liệu được thu thập bởi học viên và 01 cán bộ đang công tác tại phòng Kế hoạch tổng hợp cùng 01 cán bộ đang công tác tại phòng Công nghệ thông tin, Bệnh viện Mắt Trung ương bằng phần mềm quản lý người bệnh.

### 2.6. Xử lý, phân tích số liệu

Làm sạch số liệu trước khi nhập liệu: kiểm tra các biến có đầy đủ không, sau kiểm tra thấy các biến cần thu

thập được nhập đầy đủ do tính năng quản lý phần mềm nhập liệu.

Nhập liệu và phân tích số liệu sẽ được thực hiện bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0.

Thống kê mô tả: Sử dụng tần số, tỷ lệ % cho biến định tính; sử dụng giá trị trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn cho biến định lượng.

Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu đã được hội đồng Khoa học kỹ thuật bệnh viện Mắt Trung ương và Hội đồng đánh giá đề cương, Đại học Thăng Long thông qua.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu và động lực làm việc

Bệnh nhân điều trị nội trú chủ yếu nữ. Phần lớn người bệnh trên 60 tuổi (chiếm trên 50%), sau đó đến đối tượng từ 40 đến 60 tuổi, cuối cùng là đối tượng thuộc nhóm tuổi 18-40 tuổi và dưới 18 tuổi. Hơn 80% số người bệnh có bảo hiểm y tế. Sự khác biệt của các biến đặc điểm chung của đối tượng có ý nghĩa thống kê. Chi tiết được thể hiện ở Bảng 1.

**Bảng 1. Một số thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=111.601)**

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ	p
Giới	Nam	51424	46,08	0,004
	Nữ	60177	53,92	
Nhóm tuổi	<18 tuổi	13609	12,19	< 0,001
	18-40 tuổi	11785	10,56	
	40-60 tuổi	27537	24,67	
	> 60 tuổi	58670	52,57	
Nghề nghiệp	Trẻ em dưới 6 tuổi	6648	5,96	< 0,001
	Học sinh, sinh viên	6418	5,75	
	Làm ruộng	16040	14,37	
	Công nhân	2769	2,48	
	Cán bộ, nhân viên nhà nước/tư nhân	3652	3,27	
	Lao động tự do	1130	1,01	
	Hưu trí	16862	15,11	
	Khác	58082	52,04	
Nơi cư trú	Hà Nội	31898	28,58	< 0,001
	Ngoại tỉnh	79703	71,42	
Bảo hiểm y tế	Đúng tuyến	46588	41,75	< 0,001
	Trái tuyến	48756	43,69	
	Không có BHYT	16257	14,57	



**Bảng 2. Tỷ lệ người bệnh vào điều trị nội trú tại các khoa (n=111.601)**

Khoa	Năm	2019 n (%)	2020 n (%)	2021 n (%)	2022 n(%)	Tổng n(%)
Mắt trẻ em		3488 (10,76)	3139 (9,68)	1900 (8,27)	2171 (9,12)	10698 (9,59)
Chấn thương mắt		4557 (14,06)	4013 (12,38)	2849 (12,41)	2366 (9,94)	13785 (12,35)
DK-VM*		5304 (16,37)	5112 (15,77)	3319 (14,45)	2360 (9,91)	16095 (14,42)
Giác mạc		2492 (7,69)	2110 (6,51)	1257 (5,47)	1394 (5,86)	7253 (6,50)
Glocom		4946 (15,26)	4361 (13,45)	2928 (12,75)	2783 (11,69)	15018 (13,46)
Thẩm mỹ**		831 (2,56)	780 (2,41)	471 (2,05)	709 (2,98)	2791 (2,50)
KBTYC***		10791 (33,3)	12906 (39,81)	10239 (44,59)	12025 (50,51)	45961 (41,18)
Tổng		32409 (100)	32421 (100)	22963 (100)	23808 (100)	111601 (100)

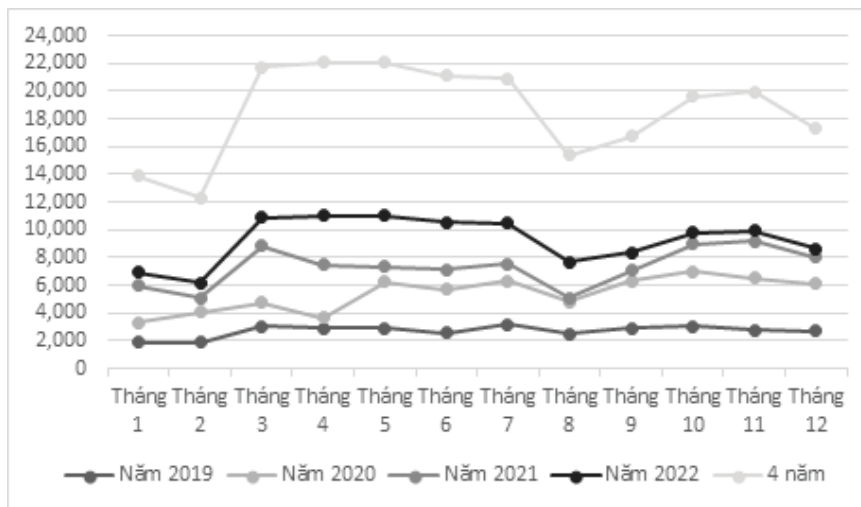
\* Dịch kính võng mạc

\*\* Tạo hình thẩm mỹ mắt và vùng mắt

\*\*\* Khám bệnh và điều trị theo yêu cầu

Bảng 2 thể hiện tỷ lệ người bệnh vào điều trị nội trú tại các khoa, trong đó tỷ lệ người bệnh vào khoa Khám bệnh theo yêu cầu là lớn nhất và Khoa Tạo hình - thẩm mỹ mắt và vùng mắt là thấp nhất.

**Biểu đồ 1. Phân bố người bệnh vào điều trị nội trú theo tháng trong các năm (n=111.601)**



Biểu đồ 1 cho thấy phân bố người bệnh vào điều trị nội trú theo tháng trong các năm, nhìn chung đối tượng vào viện chủ yếu trong tháng 3 đến tháng 7.

**Bảng 3. Tỷ lệ nhóm bệnh vào điều trị nội trú theo phân loại ICD-10 (n=111.601)**

Nhóm bệnh	2019 n(%)	2020 n(%)	2021 n (%)	2022 n(%)	Tổng n(%)
Thủy tinh thể	17459 (53,87)	15909 (49,07)	9695 (42,22)	6763 (28,41)	49826 (44,65)
Võng mạc	3576 (11,03)	3544 (10,93)	2814 (12,25)	1716 (7,21)	11650 (10,44)
Glôcôm	3054 (9,42)	3283 (10,13)	2419 (10,53)	2857 (12)	11613 (10,41)
Chấn thương <sup>1</sup>	2524 (7,79)	2210 (6,82)	1608 (7)	1757 (7,38)	8099 (7,26)
Vận nhãn <sup>2</sup>	539 (1,66)	1015 (3,13)	1012 (4,41)	2569 (10,79)	5135 (4,6)
Kết mạc	59 (0,18)	1087 (3,35)	1176 (5,12)	1744 (7,33)	4066 (3,64)
Giác mạc	1257 (3,88)	1096 (3,38)	683 (2,97)	808 (3,39)	3844 (3,44)
Dị tật <sup>3</sup>	764 (2,36)	706 (2,18)	737 (3,21)	1447 (6,08)	3654 (3,27)
Dịch kính	837 (2,58)	888 (2,74)	691 (3,01)	307 (1,29)	2723 (2,44)
Mí mắt	307 (0,95)	612 (1,89)	549 (2,39)	1206 (5,07)	2674 (2,4)
Lệ bộ	707 (2,18)	617 (1,9)	413 (1,8)	693 (2,91)	2430 (2,18)
U tân sinh	315 (0,97)	553 (1,71)	541 (2,36)	820 (3,44)	2229 (2)
Hốc mắt	340 (1,05)	315 (0,97)	188 (0,82)	438 (1,84)	1281 (1,15)
Nhãn cầu	314 (0,97)	278 (0,86)	237 (1,03)	339 (1,42)	1168 (1,05)
Hắc mạc	176 (0,54)	120 (0,37)	85 (0,37)	181 (0,76)	562 (0,5)
MM – TM <sup>4</sup>	97 (0,3)	75 (0,23)	43 (0,19)	74 (0,31)	289 (0,26)
ĐT – KX <sup>5</sup>	41 (0,13)	69 (0,21)	41 (0,18)	6 (0,03)	157 (0,14)
Thần kinh <sup>6</sup>	27 (0,08)	9 (0,03)	4 (0,02)	35 (0,15)	75 (0,07)
Củng mạc	12 (0,04)	14 (0,04)	14 (0,06)	26 (0,11)	66 (0,06)
Rối loạn TG <sup>7</sup>	4 (0,01)	17 (0,05)	9 (0,04)	13 (0,05)	43 (0,04)
Phần phụ <sup>8</sup>	0 (0)	4 (0,01)	4 (0,02)	8 (0,03)	16 (0,01)
DV y tế <sup>9</sup>	0 (0)	0 (0)	0 (0)	1 (0)	1 (0)
Tổng	32409 (100)	32421 (100)	22963 (100)	23808 (100)	111601 (100)

<sup>1</sup> Tổn thương, ngộ độc và hậu quả của một số nguyên nhân từ bên ngoài

<sup>2</sup> Cơ vận nhãn, vận nhãn

<sup>3</sup> Dị tật bẩm sinh; Biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể

<sup>4</sup> Móng mắt và thể mi

<sup>5</sup> Điều tiết và khúc xạ

<sup>6</sup> Thần kinh thị và đường dẫn thị giác

<sup>7</sup> Rối loạn thị giác và mù lòa

<sup>8</sup> Mắt và phần phụ khác

<sup>9</sup> Các yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe và tiếp cận dịch vụ y tế



Bảng 3 cho kết quả về tỷ lệ nhóm bệnh vào điều trị nội trú theo phân loại ICD-10. Phần lớn đối tượng vào viện là do bệnh thủy tinh thể chiếm 44,65% trong 4 năm.

Năm 2022, dị tật bẩm sinh, biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể; cơ vận nhãn, vận nhãn tăng nhiều nhưng bệnh thủy tinh thể, võng mạc giảm mạnh.

**Bảng 4. Kết quả điều trị khi ra viện (n=111.601)**

Tình trạng ra viện	Số lượng	Tỷ lệ
Không thay đổi	1981	1,78
Khỏi	60994	54,65
Đỡ	48581	43,53
Nặng hơn	45	0,04

Bảng 4 cho kết quả về tình trạng người bệnh khi ra viện, khoảng 98% đối tượng ra viện trong tình trạng khỏi/đỡ trong giai đoạn 2019-2022. Là bệnh viện chuyên khoa mắt nên những bệnh nhân có tình trạng toàn thân nặng, khi có tình trạng cấp cứu về toàn thân thì được chuyển sang các bệnh viện đa khoa. Do vậy, tại Bệnh viện Mắt Trung ương không có bệnh nhân tử vong.

#### 4. BÀN LUẬN

Trong 4 năm từ 2019 đến 2022, Bệnh viện Mắt Trung ương đã điều trị nội trú cho 111.601 lượt người bệnh. Bệnh viện Mắt Trung ương có qui mô 350 giường bệnh có thể đảm bảo cho lượng khám và điều trị nội trú hiện nay của bệnh viện. Theo nghiên cứu của chúng tôi, trong 4 năm từ 2019 đến 2022 có tổng cộng 111.601 lượt điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương, trong đó, năm 2019, 2020 có hơn 30.000 lượt đến năm 2021, 2022 chỉ còn hơn 20.000 lượt. Tại thời điểm tình hình dịch bệnh COVID – 19 đang diễn ra trong nước, điều này hoàn toàn phù hợp với các chỉ đạo của Bộ Y tế như: hạn chế số lượng người bệnh vào điều trị nội trú một cách hợp lý và tăng cường hiệu quả điều trị để rút ngắn thời gian điều trị nội trú cho người bệnh...; việc triển khai hoạt động khám, chữa bệnh từ xa nhằm hạn chế số lượng người dân phải đến cơ sở khám, chữa bệnh. Kết quả này cũng tương đồng với báo cáo của một số bệnh viện trên cả nước như: theo Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2021 của Sở Y tế Lạng Sơn [8].

Về phân bố đối tượng theo giới, nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả nữ giới chiếm 53,92% trong tổng số người bệnh đến khám. Kết quả của chúng tôi có sự

khác biệt so với nghiên cứu của tác giả Phùng Đức Toàn [9] trong phần VII có tỷ lệ nam giới nhiều hơn nữ giới. Sự khác biệt này có thể do nghiên cứu của tác giả chỉ xét nhóm bệnh VII trong khi nghiên cứu của chúng tôi trên tất cả các phân nhóm liên quan đến bệnh về mắt. Theo tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ số giới tính của dân số Việt Nam là 99,1 nam/100 nữ [10], nữ nhiều hơn nam. Tỷ lệ nam/nữ trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với tỷ số giới tính của dân số Việt Nam có thể vì nữ giới có tỷ lệ mắc bệnh về mắt cao hơn và tỷ lệ phụ nữ quan tâm đến sức khỏe nhiều hơn nam giới.

Đa phần đối tượng khám bệnh trong độ tuổi trên 60 tuổi (52,57%), mặc dù theo cơ cấu dân số, số người từ 60 tuổi trở lên chỉ chiếm 11,86% [10]. Điều này chứng tỏ bệnh mắt thường gặp hơn ở người cao tuổi, đối tượng này cần được chăm sóc mắt nhiều hơn.

Bệnh viện Mắt Trung ương đóng tại địa bàn thành phố Hà Nội, là bệnh viện Mắt tuyến đầu cả nước nên đối tượng ngoại tỉnh đến bệnh viện rất đông, chiếm khoảng 70%. Năm 2021 có tỷ lệ đối tượng ngoài Hà Nội điều trị nội trú tại bệnh viện thấp nhất do đó là năm đỉnh điểm của Covid-19 tại Hà Nội với những đợt giãn cách toàn thành phố, hạn chế người dân đi lại trong thành phố và với các tỉnh khác. Đặc điểm này cho thấy vai trò của Bệnh viện Mắt trung ương trong việc chăm sóc mắt cho nhân dân không chỉ của Hà Nội, mà còn cả các tỉnh trong khu vực miền Bắc, miền Trung và thậm chí cả miền Nam.

Về nghề nghiệp của đối tượng điều trị nội trú tại bệnh viện, làm ruộng và hưu trí có tỷ lệ cao nhất (14,37 và 15,11%). Tuy nhiên, theo số liệu thống kê trong hệ thống của bệnh viện, có khoảng 50% số đối tượng được

nhập nghề nghiệp là “khác” mỗi năm. Đây là một lỗi hỏng trong việc nhập và quản lý dữ liệu của bệnh viện. Trong thời gian tới, để hệ thống dữ liệu của bệnh viện chính xác hơn, bệnh viện nên đưa ra các phương án để giải quyết tình trạng này, ví dụ như mã hóa dữ liệu nghề nghiệp theo một số nhóm nhất định hoặc yêu cầu nhân viên y tế nhập chính xác nghề nghiệp của người bệnh khi vào viện.

Theo thống kê kết quả phân bố người bệnh vào điều trị nội trú theo tháng trong các năm, nhìn chung số lượng người bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện vào tháng 1 và tháng 2 thường thấp nhất vì đây là khoảng thời gian nghỉ Tết nguyên đán. Năm 2019, số người bệnh nằm viện không có sự biến động nhiều, những năm tiếp theo có sự biến động giữa các tháng có thể do sự xuất hiện của đại dịch Covid – 19. Tháng 4 năm 2020 số lượng người bệnh điều trị nội trú giảm mạnh vì thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ thực hiện biện pháp giãn cách toàn xã hội để phòng, chống dịch COVID-19. Tháng sau đó số lượng người bệnh điều trị nội trú tăng vọt có thể do dồn người bệnh vào viện khám sau thời gian giãn cách. Tương tự, tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, số lượng người bệnh điều trị nội trú trong tháng 7, 8, 9 năm 2021 cũng giảm mạnh. Năm 2022, có số lượng người bệnh điều trị nội trú thấp trong tháng 8 do thiếu vật tư y tế theo báo cáo của Bệnh viện Mắt Trung ương. Nhìn chung, đối tượng vào viện chủ yếu trong tháng 3 đến tháng 7, đây cũng là thời điểm toàn bộ cán bộ y tế bệnh viện làm việc với cường độ cao, sẵn sàng mọi nguồn lực, thuốc, vật tư để phục vụ người bệnh được tốt nhất.

Theo phân loại ICD-10, phần lớn đối tượng vào viện là do bệnh liên quan đến thủy tinh thể, chiếm gần 50% số người bệnh điều trị nội trú. Bệnh thủy tinh thể thường liên quan đến tuổi già (trên 80% người mắc bệnh đục thủy tinh thể là người có độ tuổi trên 50). Ở người trẻ tuổi, bệnh đục thủy tinh thể có thể đã hiện diện do bẩm sinh hoặc do chấn thương hoặc đục thủy tinh thể thứ phát sau bệnh viêm màng bồ đào, Glacom. Bệnh đục thủy tinh thể là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây mù trên thế giới và ở Việt Nam, bệnh thường cần được điều trị nội trú. Tỷ lệ bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện có biến động nhiều ở năm 2022: Dị tật bẩm sinh, biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể; Cơ vận nhãn, vận nhãn tăng nhiều; nhưng bệnh thủy tinh thể, võng mạc giảm mạnh. Do tình hình thiếu vật tư y tế diễn ra từ tháng 8 năm 2022, một số bệnh liên quan đến thủy tinh

thể được nhận điều trị do không đủ vật tư y tế.

Phần lớn đối tượng điều trị nội trú tại bệnh viện có BHYT. Theo Bộ Y tế (2023) tỷ lệ bao phủ BHYT đã đạt 92,04%. Tuy nhiên trong nghiên cứu của chúng tôi có 14,57% đối tượng không sử dụng BHYT. Điều này có thể do một nhóm đối tượng được chi trả bằng chương trình Ánh mắt trẻ thơ và nhóm đối tượng còn lại có thể do không thuận tiện trong quá trình sử dụng. Vậy nên, cần có các biện pháp để người bệnh thuận lợi hơn trong quá trình sử dụng BHYT.

Điều trị nội trú chiếm tỷ lệ cao nhất tại khoa Khám bệnh và điều trị theo yêu cầu và thấp nhất tại khoa Tạo hình thẩm mỹ mắt và vùng mặt. Thực tế, Khoa tạo hình thẩm mỹ mắt và vùng mặt có giường bệnh thực kê thấp nhất là 9 giường nên số lượng người bệnh điều trị nội trú tại khoa là ít nhất. Khoa Khám bệnh và điều trị có số lượt người bệnh điều trị cao nhất vì hầu hết người bệnh đều điều trị nội trú trong ngày, việc luân chuyển người bệnh nhanh nên số ngày điều trị ít, số lượt người bệnh cao hơn các khoa khác của bệnh viện.

Phần lớn người ra viện khỏi hoặc đỡ vì bệnh về mắt phần lớn không phải bệnh trầm trọng và Bệnh viện Mắt trung ương là bệnh viện về mắt ở tuyến cao nhất, tiếp nhận điều trị các người bệnh mà các tuyến chưa có khả năng điều trị. Kết quả điều trị không có trường hợp tử vong, có một số trường hợp nặng hơn vì đối tượng là người già có bệnh lý nền, khi tình hình bệnh lý nền trầm trọng, bệnh viện sẽ chuyển người bệnh sang các cơ sở y tế chuyên khoa. Bệnh viện Mắt Trung ương không có người bệnh tử vong tại viện vì những người bệnh có bệnh lý nguy hiểm đến tính mạng đều được chuyển ngay sang các bệnh viện có khoa Hồi sức cấp cứu.

## 5. KẾT LUẬN

Trong 4 năm từ 2019 đến 2022 có tổng cộng 111.601 lượt điều trị nội trú tại Bệnh viện Mắt Trung ương. Phần lớn đối tượng vào viện là do bệnh thủy tinh thể chiếm 44,65% trong 4 năm. Năm 2022: Dị tật bẩm sinh, biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể; Cơ vận nhãn, vận nhãn tăng nhiều; nhưng bệnh thủy tinh thể, võng mạc giảm mạnh. Người bệnh chủ yếu là người cao tuổi; đa số có BHYT. Kết quả điều trị nội trú rất khả quan với 54,65% số người bệnh được đánh giá là khỏi khi ra viện.





## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Uutela A, Tuomilehto J, Changes in disease patterns and related social trends. *Soc Sci Med*, 1992, 35(4):389-399.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Hoa, Khảo sát mô hình bệnh tật chuyển tuyến tại Khoa Nhi bệnh viện Bình Thạnh năm 2016 – 2018, Đề tài cấp cơ sở, 2019.
- [3] Đỗ Thanh Thúy, Khảo sát mô hình bệnh tật tại khoa Hồi sức tích cực – Chống độc tại Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang”, *Tạp chí Y học thực hành*, 2018, 15(74): tr.20 - 26.
- [4] Bùi Quang Nghĩa, Khảo sát mô hình bệnh tật và tử vong trẻ em tỉnh Vĩnh Long. Luận án tiến sỹ. Trường Đại học Y Hà Nội, 2020.
- [5] WHO, Action plan for integrated people-centred eye care in South-East Asia 2022–2030, 2022.
- [6] CDC, Common Eye Disorders and Diseases. Published June 4, 2020.
- [7] Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, Tổ chức Y tế Thế giới công bố báo cáo thế giới đầu tiên về thị giác, 2019.
- [8] Báo cáo số 275/BC-SYT ngày 11/5/2022 của Sở Y tế Lạng Sơn về Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2021, 2022.
- [9] Phùng Đức Toàn, Mô hình bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh nội trú tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa, giai đoạn 2017 – 2019; Luận văn chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Hà Nội, 2021.
- [10] Tổng điều tra dân số và nhà ở, 2019.